

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN 06 tháng đầu năm 2022 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 24/07/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-SNN ngày 31/12/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc Giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-VPĐP ngày 12/5/2022 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Hành chính - Nghiệp vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 của Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk (theo Biểu số 03- Công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 đính kèm).

Điều 2. Giao phòng Hành chính - Nghiệp vụ thực hiện công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước 06 tháng đầu năm 2022.

Điều 3. Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Tổ OCOP và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở NN và PTNT (B/cáo);
- Lãnh đạo VPĐP;
- I-desk;
- Lưu: VT (A-3b).

CHÁNH VĂN PHÒNG

GIÁM ĐỐC SỞ NN VÀ PTNT
Nguyễn Hoài Dương

Đơn vị: Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 412

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2022, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.845	672,49	70,933	
1	Chi quản lý hành chính	1.226	471,52	38,44	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (340-341)	1.226,5	471,52	38,44	
	Năm trước chuyển sang	16,499			
	Chi hoạt động	1.165	471,52	40,47	
	Mua sắm	45	0,00	0,0	
2	Bổ sung dự toán chi NSNN năm 2022 để chi thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới; Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và kinh phí tổ chức Hội nghị chuyên đề Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 và triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới <i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (400-428)</i>	618,6	200,98	32,5	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				

Thủ trưởng đơn vị